

Bản án số 73a/2025/DS-PT

Ngày 23/7/2025

“Tranh chấp đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Ngọc

Các Thẩm phán: Bà Đoàn Thị Kiều Hương và bà Hà Thị Thanh Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Phương Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp về đất đai”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 30/05/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 100/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Cảnh S, sinh năm 1959. Địa chỉ: Xóm P, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã B, tỉnh Nghệ An); có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964. Địa chỉ: Xóm P, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã B, tỉnh Nghệ An); có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích của ông Đ và bà H: Ông Nguyễn Cao T, Văn phòng L2, Đoàn luật sư tỉnh N.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Trần Thị T1, sinh năm 1992. Địa chỉ: Xóm X, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã B, tỉnh Nghệ An); vắng mặt.

- Chị Trần Thị N, sinh năm 1999; địa chỉ: Xóm M, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã B, tỉnh Nghệ An); có mặt.
- Anh Nguyễn Lâm C, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm M, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã B, tỉnh Nghệ An); có mặt.
- Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1962. Địa chỉ: Xóm P, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã B, tỉnh Nghệ An); vắng mặt.
- Anh Trần Xuân Á, sinh năm 1996. Địa chỉ: Xóm P, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã B, tỉnh Nghệ An); vắng mặt.
- Anh Nguyễn Cảnh G, sinh năm 1983. Địa chỉ: Nhà số C, đường Đ, khu phố F, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.
- Anh Nguyễn Cảnh N1, sinh năm 1987. Địa chỉ: Nhà số C, đường Đ, khu phố F, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.
- Anh Nguyễn Cảnh T2, sinh năm 1992. Địa chỉ: Nhà số C, đường Đ, khu phố F, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.
- Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1995. Địa chỉ: Xóm G, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.
- Ngân hàng N5.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân H1 - Giám đốc A1, chi nhánh huyện T, Nam N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm vụ án có nội dung:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Nguyễn Cảnh S trình bày:

Vào năm 2007 ông Nguyễn Cảnh S và bà Nguyễn Thị C1 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 313, tờ bản đồ số 2; địa chỉ thửa đất: Con G, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An; nay là Xóm Phương T4, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An với diện tích 11.009 m². Về nguồn gốc thửa đất là do gia đình sử dụng từ năm 1992. Quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 313, tờ bản đồ số 2, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An thì chỉ có ông Nguyễn Cảnh S và bà Nguyễn Thị C1 còn sinh sống tại địa phương, còn các con của ông và bà đã đi làm ăn xa gồm có Nguyễn Cảnh G, Nguyễn Cảnh N1, Nguyễn Cảnh T2 và Nguyễn Thị T5. Quá trình sử dụng thửa đất đó thì bị ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị H, chị Trần Thị T1, chị Trần Thị N, anh Nguyễn Lâm C lấn chiếm một phần diện tích đất và

hiện nay phần diện tích đất đang bị lấn chiếm đã được ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị H, chị Trần Thị T1, chị Trần Thị N, anh Nguyễn Lâm C đang trồng cây keo khoảng 3 năm đến 4 năm tuổi với phần diện tích đất bị lấn chiếm là khoảng 5.000m². Nay ông Nguyễn Cảnh S và bà Nguyễn Thị C1 yêu cầu ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị H, chị Trần Thị T1, chị Trần Thị N, anh Nguyễn Lâm C, thu hoạch toàn bộ cây cối đã trồng trên phần diện tích đất đó để trả lại diện tích đất rừng 5.000 m²

Ngoài ra khi thực hiện dự án V thì ban quản lý dự án có làm con đường đi qua các thửa đất này. Nhưng hiện hay đã bị ông Trần Văn Đ và vợ con của ông Trần Văn Đ trồng cây trên con đường này dẫn tới việc ông không có lối đi vào phần đất được giao cho nên ông đề nghị Tòa án buộc ông Trần Văn Đ và vợ con của ông Trần Văn Đ thu hoạch toàn bộ cây đã trồng để trả lại phần con đường này.

Ý kiến trình bày của người đại diện theo uỷ quyền cho bị đơn ông Trần Văn Đ và cũng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị T1 :

Vào năm 1991, Ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị Hồng V khu vực Con G, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An khai hoang, phát sả rừng để trồng cây lâm nghiệp. Đến năm 2007 ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị H2 đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 327, tờ bản đồ số 2, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An với phần diện tích được giao là 7.726m². Sau khi được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên thì gia đình sử dụng cho đến nay và không xảy ra tranh chấp với ai. Hiện nay thửa đất này do vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị H và các con là Trần Thị T1, Trần Thị N và Nguyễn Lâm C sử dụng và đã trồng keo trên thửa đất này. Chị T1 khẳng định phần diện tích đất trồng keo mà gia đình chị đang sử dụng hoàn toàn nằm trên thửa đất số 327, tờ bản đồ số 2, đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị H. Cho nên chị T1 và ông Trần Văn Đ không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Cảnh S.

Đối với con đường mà ông Nguyễn Cảnh S cho rằng gia đình ông Đ đã lấn chiếm trồng cây trên đó là không có căn cứ bởi từ trước tới nay con đường đi đó là do gia đình ông Đ tạo nên để đi vào trang trại chứ không liên quan gì đến thửa đất của ông Nguyễn Cảnh S đang sử dụng.

Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Nguyễn Thị H, chị Trần Thị T1, chị Trần Thị N, anh Nguyễn Lâm C:

Vào năm 1991 bà Nguyễn Thị H cùng với ông Trần Văn Đ vào khai hoang đồi núi tại khu vực Cơn Gạo, xã Thanh Xuân, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An để trồng rừng và gia đình đã sinh sống ổn định từ đó cho đến nay.

Đến năm 2007, thực hiện chủ trương của nhà nước về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình bà đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 327, tờ bản đồ số 2, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An với phần diện tích đất được giao là 7.276m² và gia đình sử dụng ổn định không xảy ra tranh chấp với ai. Phần diện tích đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị H cũng như phần đất mà ông Nguyễn Cảnh S và bà Nguyễn Thị C1 cho rằng gia đình đang lấn chiếm hiện nay do ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị H, chị Trần Thị T1, chị Trần Thị N và anh Nguyễn Lâm C đang sử dụng, ngoài ra không có ai sử dụng trên thửa đất này. Hiện nay trên thửa đất này gia đình đã trồng keo gần 4 năm tuổi.

Việc ông Nguyễn Cảnh S cho rằng gia đình lấn chiếm khoảng gần 5.000 m² đất là không có căn cứ. Bởi vì số keo đó gia đình trồng trên thửa đất số 327, tờ bản đồ số 2, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận cho hộ ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị H cho nên nay ông Nguyễn Cảnh S yêu cầu như thế gia đình ông và bà không nhất trí.

Ý kiến của ông Phan Đức V1 là người đại diện theo uỷ quyền cho Ngân hàng N5: Hiện nay ông Nguyễn Cảnh S có vay của Ngân hàng A1 Chi nhánh huyện T số tiền 50.000.000 đồng. Quá trình vay có để lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 33, tờ bản đồ số 2, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An. Nhưng là hình thức tín chấp chứ không phải thế chấp bằng tài sản là quyền sử dụng đất cho nên đề nghị vẫn duy trì hợp đồng tín dụng này.

Bản án số 11/2024/DSST ngày 30/05/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương đã quyết định Căn cứ khoản 9, Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 160, Điều 166, Điều 210, Điều 221, Điều 288 Bộ luật dân sự 2015; Điều 100, Điều 202 và Điều 203 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Cảnh S.

1. Buộc ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị H cùng các con là Trần Thị T1, Trần Thị N và anh Nguyễn Lâm C phải trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm là 4.872m² được giới hạn bởi các điểm từ điểm 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10 về điểm 1 (có

sơ đồ kèm theo) tại thửa đất số 313, tờ bản đồ số 2, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An cho ông Nguyễn Cảnh S và bà Nguyễn Thị C1 theo sơ đồ kèm theo.

2. Giao cho Nguyễn Cảnh S và bà Nguyễn Thị C1 được sử dụng số cây keo đã trồng đã trồng trên 4768m² đất được giới hạn bởi các điểm từ điểm 2,3,4,5,6,7,8,9,10,B,A về điểm 2 (theo sơ đồ kèm theo) tại thửa đất số 313, tờ bản đồ số 2, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An. Nhưng ông Nguyễn Cảnh S và bà Nguyễn Thị C1 phải trả cho ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị H cùng các con là Trần Thị T1, Trần Thị N và anh Nguyễn Lâm C số tiền trị giá cây keo đã trồng trên thửa đất là 23.840.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Cảnh S về việc buộc Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị H cùng các con là Trần Thị T1, Trần Thị N và anh Nguyễn Lâm C thu hoạch các loại cây đã trồng để trả lại con đường đi vào thửa đất số 313, tờ bản đồ số B, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/6/2024, ông Trần Văn Đ làm đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Các đương sự chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 249 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quyền tranh tụng của các đương sự được đảm bảo.

Về thủ tục kháng cáo: bị đơn có đơn kháng cáo đúng thời hạn, nộp dự phí đầy đủ nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý vụ án là đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự xử: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân

tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm. Xét kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn Đ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định nên xác định kháng cáo hợp lệ.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ, vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Sau khi xem xét đề nghị của các đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa, căn cứ Điều 227, 228, 296 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.3] Về quan hệ pháp luật, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Nguyễn Cảnh S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị H trả lại diện tích đất bị lấn chiếm. Căn cứ khoản 9, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Nội dung:

Căn cứ các tài liệu về quản lý đất đai, có cơ sở xác định: Thửa đất số 313, tờ bản đồ số 2, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An là do ông Nguyễn Cảnh S và bà Nguyễn Thị C1 sử dụng từ trước năm 2007. Ngày 24/5/2007, ông S, bà C1 được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 11.009m².

Thửa đất số 327, tờ bản đồ số 2 xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An là của ông Nguyễn Cảnh S và bà Nguyễn Thị C1 sử dụng từ trước năm 2007. Ngày 24/5/2007, thì được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với phần diện tích được giao là 7.276m².

Cả hai bên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng thời điểm, không có ý kiến gì về việc giao đất. Từ năm 2007 đến 2022, không có tranh chấp.

Ông Nguyễn Cảnh S cho rằng: một phần diện tích đất trồng keo và ngô mà vợ chồng ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị H cùng các con là Nguyễn Thị T6, Nguyễn Thị N2 và anh Nguyễn Lâm C đã trồng đã lấn chiếm lên thửa đất số 313, tờ bản đồ số 2 xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An và con đường đi vào thửa đất số 313 tờ bản đồ số 2 đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Nghệ An cấp cho

gia đình ông nên ông yêu cầu những người này thu hoạch toàn bộ các cây keo để trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm là 4872m²

Ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị H cùng các con là Nguyễn Thị T6, Nguyễn Thị N2 và anh Nguyễn Lâm C không đồng ý.

Căn cứ biên bản thẩm định và định giá tài sản ngày 25 tháng 3 năm 2024, thể hiện: Trên thửa đất số 313, tờ bản đồ số 1, thuộc xã T hiện nay vợ chồng ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị H cùng các con là Nguyễn Thị T6, Nguyễn Thị N2 và anh Nguyễn Lâm C đã lấn chiếm với phần diện tích đất là 4.872m² có trị giá là 4.872m² x 6.000 đồng/m² = 29.232.000 đồng. Trong đó phần diện tích trồng keo gần 04 năm tuổi là 4.768 m² có trị giá cây trồng là 4.768m² x 50.000.000 đồng/ha = 23.840.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị H cùng các con là Nguyễn Thị T6, Nguyễn Thị N2 và anh Nguyễn Lâm C trả lại phần đất đã lấn chiếm là 4.872m² cho ông Nguyễn Cảnh S và bà Nguyễn Thị C1 là có cơ sở.

Đối với số cây keo mà ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị H cùng các con là Nguyễn Thị T6, Nguyễn Thị N2 và anh Nguyễn Lâm C đã trồng trên thửa đất. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, số cây keo còn nhỏ nếu buộc thu hoạch hoặc di dời sẽ ảnh hưởng đến giá trị của cây cho nên Tòa án cấp sơ thẩm giao toàn bộ số cây đã trồng trên diện tích đất lấn chiếm cho nguyên đơn và buộc nguyên đơn thanh toán số tiền giá trị cây trồng là có cơ sở. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn trình bày đã tự thu hoạch một phần diện tích keo đã trồng do đã đến tuổi thu hoạch, nguyên đơn xác định bị đơn đã thu hoạch một phần diện tích cây keo, nguyên đơn đã có ý kiến nhưng không báo cáo với chính quyền địa phương về vấn đề này. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm, buộc bị đơn phải thu hoạch toàn bộ cây keo đã trồng trên diện tích đất lấn chiếm trong thời hạn hai tháng kể từ ngày bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Cảnh S về việc yêu cầu thu hoạch các cây cối đã trồng để trả lại con đường là không có căn cứ. Bởi qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T cũng như bản đồ Lâm nghiệp tại khu vực này không thể hiện có con đường nên không chấp nhận là đúng quy định của pháp luật.

[3] Án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận cho nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, tuy nhiên bị đơn ông Đ, bà H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của ông Đ được chấp nhận, ông Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Chi phí định giá và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 6.880.000 đồng. Ông S đã nộp đủ, do đó cần buộc ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị H cùng các con là Nguyễn Thị T6, Nguyễn Thị N2 và anh Nguyễn Lâm C phải trả cho ông Nguyễn Cảnh H3 và bà Nguyễn Thị S1 số tiền chi phí thẩm định và định giá là 6.880.000 đồng.

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn Đ, sửa bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ khoản 9, Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 160, Điều 166, Điều 210, Điều 221, Điều 288 Bộ luật dân sự 2015; Điều 100, Điều 202 và Điều 203 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Cảnh S.

2.1. Buộc ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị H cùng các con là Nguyễn Thị T6, Nguyễn Thị N2 và anh Nguyễn Lâm C phải trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm là 4.872m² được giới hạn bởi các điểm từ điểm 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10 về điểm 1 tại thửa đất số 313 tờ bản đồ số 2 xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An cho ông Nguyễn Cảnh S và bà Nguyễn Thị C1 (có sơ đồ kèm theo).

2.2. Buộc ông Nguyễn Cảnh S và bà Nguyễn Thị C1 cùng các con là Nguyễn Thị T6, Nguyễn Thị N2 và anh Nguyễn Lâm C phải thu hoạch toàn bộ số cây keo đã trồng trên diện tích đất 4.872m² trong thời hạn hai tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị H.

2.4. Về chi phí thẩm định, định giá: Buộc ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị H cùng các con là Nguyễn Thị T6, Nguyễn Thị N2 và anh Nguyễn Lâm C phải trả cho ông Nguyễn Cảnh H3 và bà Nguyễn Thị S1 số tiền chi phí thẩm định và định giá là 6.880.000 đồng,

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

- Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;;
- TANDKV5, Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Ngọc